TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 479/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Bà Bùi Thị P
2/ Ông Vũ Nam Hùng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà, Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22/5/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1133/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/4/2018; Quyết định hoãn phiên toà số 130/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1990.
Địa chỉ: số nhà 359 A Tổ 18, Khu A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Trọng P1, sinh năm 1987.
Địa chỉ: số nhà 29 Đường số V, Khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2017 và lời trình bày của bà Trần Thị Kim P:

Bà và ông Phạm Trọng P1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23/9/2010. Sau khi đăng ký kết hôn, bà và ông P1 chưa tổ chức lễ cưới, chưa chung sống vợ chồng thì bà nhận được thông tin ông P1 bị Công an khởi tố hình sự do vi phạm pháp luật. Từ đó bà và ông P1 không còn liên lạc, gặp gỡ nhau. Để ổn định cuộc sống, bà yêu cầu ly hôn ông Phạm Trọng P1.

Con chung: không có.

Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Bị đơn ông Phạm Trọng P1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị Kim P giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Phạm Trọng P1. Ông P1 đã được Toà án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng vắng mặt . Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Toà án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Trần Thị Kim P được ly hôn ông Phạm Trọng P1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét, quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Ly hôn". Do bị đơn cư trú tại quận Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung: xét, bà Trần Thị Kim P và ông Phạm Trọng P1 có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 108/2010 ngày 23/9/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông P1 là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập ông P1 tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông P1 không đến Tòa để tham gia và Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của ông P1 đối với yêu cầu khởi kiện của bà P.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông P1 không còn khả năng hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng không còn quan tâm liên lạc gặp gỡ nhau trong thời gian dài. Do đó yêu cầu ly hôn của bà P là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: không có

Tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: bà P phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 269; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Kim P;

Bà Trần Thị Kim P được ly hôn ông Phạm Trọng P1.

2. Con chung: không có.

3. Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Trần Thị Kim P phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0037397 ngày 27/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, bà P đã nộp đủ án phí.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- CCTHADS Q.Thủ Đức;
- Đương sự;
- UBND phường Y, Quận Z, TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Cao Thị Hiền Lũy